

Bản án số: 199/2022/DS-PT

Ngày: 15-6-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Nam

Ông Lê Trí Cường

Thư ký phiên toà ghi biên bản: Bà Đinh Thị Thu Hương-Thẩm tra viên Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **NVQ1**, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 24, ngõ 126 phố VH2, tổ 8 cũ tổ 16 mới, phường VH2, quận HM3, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q1 là: Anh **NĐT4**, sinh năm 1982 - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Minh Thụ; địa chỉ: Tầng 2, số 22 ngõ 18, phố Yên Hoà, tổ 25, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; ***Có mặt.***

Bị đơn: Anh **VHQ5**, sinh năm 1979. ***Có mặt.***

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thao Ngoại, xã Sơn Hà, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Chị **HTN6**, sinh năm 1985; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thao Ngoại, xã Sơn Hà, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. ***Vắng mặt.***

2- Anh **VVD7**, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thao Ngoại, xã Sơn Hà, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. ***Có mặt.***

3- Anh **PVK8**, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thao Ngoại, xã Sơn Hà, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. ***Có mặt.***

4- Anh **NKD9**, sinh năm 1985; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Đông Khê, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. *Vắng mặt.*

5- Anh **DDQ10**, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Đông Khê, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. *Vắng mặt.*

6- Công ty **Cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế**; địa chỉ trụ sở tại: Số 9 ngách 2, ngõ 38, phố QT11, phường LK12, quận HĐ13, thành phố Hà Nội; do ông TVQ14 – Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc làm đại diện theo pháp luật. *Vắng mặt.*

Do có kháng cáo của anh NVQ1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/7/2020 tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, anh NVQ1 thỏa thuận mua máy sản xuất khẩu trang với anh VHQ5. Sau khi xem 03 chiếc máy sản xuất khẩu trang của anh Q5 đặt tại xưởng gồm máy vị trí số 19, 20, 21, anh Q1 đã đồng ý mua của anh Q5 máy sản xuất khẩu trang “giống” máy sản xuất khẩu trang vị trí số 19. Đến ngày 30/7/2020 các bên ký kết hợp đồng mua bán, hợp đồng do anh Q1 viết tay trên quyển vở ô ly và được lập 01 bản do anh Q1 giữ. Theo hợp đồng thì: Máy khẩu trang mua bán là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ” với giá 1.850.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn giao máy là ngày 31/7/2020; trường hợp bên bán vi phạm hợp đồng sẽ phải chịu phạt 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Phía anh Q1 đã trả đủ tiền mua máy khẩu trang cho anh Q5, cụ thể:

Sau khi 02 bên thỏa thuận mua bán máy sản xuất khẩu trang vào ngày 29/7/2020 thì cũng trong ngày 29/7/2020 anh Q1 đã chuyển khoản đặt cọc 20.000.000 đồng cho anh Q5 vào số tài khoản của chị Nguyễn Thị Hương Giang (do anh Q5 cung cấp số tài khoản). Khi chuyển khoản anh Q1 đã ghi nội dung chuyển khoản là “E Quang coc may ngoai”. Anh Q1 lý giải về nội dung chuyển khoản này là “Em Quảng cọc máy ngoài”, còn tại sao khi chuyển khoản tiền đặt cọc mua máy khẩu trang lại ghi nội dung đặt cọc mua máy khẩu trang “ngoài” thì anh Q1 không nhớ, không lý giải được.

Sau khi 02 bên ký kết hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang vào ngày 30/7/2020 thì cũng trong ngày 30/7/2020 anh Q1 đã 02 lần chuyển khoản thanh toán tiền mua máy sản xuất khẩu trang cho anh Q5 với tổng số tiền là 1.820.000.000 đồng vào số tài khoản của chị HTN6 (vợ anh Q5 do anh Q5 cung

cấp số tài khoản). Cả 02 lần chuyển khoản anh Q1 đều ghi nội dung chuyển khoản là “Em Quang CK mua máy 19”. Anh Q1 lý giải về nội dung chuyển khoản này là “Em Quảng chuyển khoản mua máy 19” có nghĩa là anh Q1 chuyển khoản cho anh Q5 mua máy sản xuất khẩu trang “giống” máy sản xuất khẩu trang vị trí số 19 của anh Q5.

Sau đó cũng trong ngày 30/7/2020 anh Q1 đã thanh toán trả anh Q5 10.000.000 đồng tiền mặt còn lại.

Đến thời hạn giao máy là ngày 31/7/2020 anh Q5 không có máy sản xuất khẩu trang bàn giao cho anh Q1 theo hợp đồng mua bán đã ký kết là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ” nên anh Q5 đề nghị anh Q1 tạm thời sử dụng máy sản xuất khẩu trang vị trí số 19 của anh Q5 đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và hẹn ngày 10/8/2020 sẽ bàn giao máy kèm theo hóa đơn, chứng từ. Anh Q1 đồng ý và đã sử dụng máy khẩu trang số 19 này để sản xuất khẩu trang tại xưởng sản xuất khẩu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 nhưng đến ngày 10/8/2020 anh Q5 vẫn không có máy sản xuất khẩu trang theo hợp đồng mua bán để bàn giao cho anh Q1 và tiếp tục khất lần, trốn tránh anh Q1. Đến ngày 19/8/2020 anh Q5 đưa cho anh Q1 01 hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna với Công ty TNHH Đầu tư Văn minh Việt Nam và cho rằng đó chính là máy sản xuất khẩu trang số 19 của anh Q5, anh Q5 đã bàn giao cho anh Q1, việc mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa anh Q5 với anh Q1 đã xong nên không còn liên quan gì đến anh Q1. Kể từ ngày 19/8/2020 anh Q5 né tránh không gặp anh Q1 để giải quyết việc mua bán máy khẩu trang giữa hai bên. Anh Q1 vẫn tiếp tục sử dụng máy khẩu trang số 19 để sản xuất khẩu trang cho đến ngày 24/8/2020 thì không sử dụng nữa.

Anh Q1 xác nhận việc anh Q1 nhận sử dụng “tạm” máy sản xuất khẩu trang số 19 của anh Q5 từ ngày 31/7/2020 cũng như việc anh Q5 hứa hẹn, khất lần bàn giao máy sản xuất khẩu trang, giữa các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có văn bản, giấy tờ gì. Còn nội dung anh Q5 viết, ký tại phần cuối hợp đồng “ngày bàn giao máy ngày 31/7/2020 đầy đủ chi tiết máy khẩu trang (gồm 1 thân hai đầu)” là anh Q5 viết vào ngày 30/7/2020 chỉ có ý nghĩa cam kết của anh Q5 sẽ bàn giao máy sản xuất khẩu trang mua bán vào ngày 31/7/2020 chứ không phải ngày 31/7/2020 anh Q5 đã bàn giao máy sản xuất khẩu trang mua bán cho anh Q1 và viết nội dung trên để xác nhận đã bàn bàn giao máy sản xuất khẩu trang mua bán cho anh Q1 như phía anh Q5 trình bày.

Cho rằng phía anh Q5 vi phạm hợp đồng không bàn giao máy sản xuất khẩu trang theo hợp đồng mua bán là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ”. Vì vậy anh Q1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt, hủy bỏ

hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa hai bên, buộc anh Q5 phải trả lại anh Q1 số tiền mua bán máy 1.850.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và buộc anh Q5 chịu khoản tiền phạt 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo hợp đồng đã thỏa thuận. Ngoài ra anh Q1 không có yêu cầu, đề nghị gì khác

Trường hợp Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q1 thì phía anh Q1 không đề nghị Toà án giải quyết Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế trả anh Q1 máy sản xuất khẩu trang số 19 đang để tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế nếu có tranh chấp phát sinh giữa anh Q1 với Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế về việc đòi máy sản xuất khẩu trang số 19 thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Anh Q1 từ chối gặp mặt đối chất với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đồng thời từ chối gặp mặt hòa giải giữa các đương sự.

Tại phiên tòa phía đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn cho rằng việc anh Q5 bán máy khẩu trang số 19 cho anh Q1 là không hợp pháp do anh Q5 chưa phải là chủ sở hữu máy khẩu trang số 19 vì máy khẩu trang số 19 này được Công ty TNHH Đầu tư Văn minh Việt Nam do chị HTN6 là đại diện theo pháp luật ký kết hợp đồng mua của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna nhưng chưa có văn bản nào của chị Ngoan hay Công ty TNHH Đầu tư Văn minh Việt Nam chuyển giao cho anh Q5 máy khẩu trang số 19.

Ngoài ra nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, trình bày, yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn VHQ5 trình bày: Anh cùng các anh NKD9, DDQ10, PVK8, VVD7 chung nhau 03 máy sản xuất khẩu trang đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh để sản xuất gia công khẩu trang thuê cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ tháng 5/2020. Vị trí đặt 03 máy khẩu trang tại xưởng lần lượt là vị trí số 19, 20, 21 (hay còn gọi là máy số 19, 20, 21).

Chiều ngày 29/7/2020 anh Đăng ngồi quán nước trước cổng xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế gặp thì anh NVQ1, qua nói chuyện biết anh Q1 đang có nhu cầu tìm mua máy sản xuất khẩu trang. Vì vậy anh Đăng đã nói với anh Q1 hiện các anh có 03 máy sản xuất khẩu trang đang hoạt động gia công sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế và muốn bán đi một máy. Nghe vậy anh Q1 muốn mua một máy và bảo dẫn đi xem máy. Sau đó anh Dũng, anh Đăng, anh Kinh và anh Quyết (lúc đó không có anh) đã dẫn anh Q1 đi xem 03 máy sản xuất khẩu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế. Sau khi xem máy, anh Q1 đã chọn mua máy sản xuất khẩu trang vị trí số 19 và thỏa thuận giá 1.850.000.000 đồng (Một tỷ tám

trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi thỏa thuận mua máy với anh Dũng, anh Đăng, anh Kinh, anh Quyết xong thì anh Q1 đã đặt cọc tiền mua máy số 19 là 20.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền đặt cọc được anh Q1 chuyển khoản tiền vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Hương Giang là người quen của anh Quyết (anh Quyết nhờ số tài khoản của chị Giang để nhận tiền đặt cọc).

Khoảng 17 giờ đến 18 giờ cùng ngày 29/7/2021 anh đến xưởng sản xuất khẩu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế thì lúc này các anh Đăng, Kinh, Quyết, Dũng thông báo cho biết là đã bán máy sản xuất khẩu trang số 19 cho anh Q1 với giá 1.850.000.000 đồng và đã nhận tiền đặt cọc 20.000.000 đồng. Lúc này anh không đồng ý bán máy khẩu trang số 19 vì máy số 19 đang sản xuất, chạy ổn định tốt nhất trong 03 máy. Ngay sau đó anh gọi điện nói với anh Q1 không đồng ý bán máy số 19, đồng thời bảo trả lại tiền đặt cọc 20.000.000 đồng và chấp nhận phạt cọc, bồi thường thêm cho anh Q1 30.000.000 đồng nhưng anh Q1 không đồng ý, cương quyết muốn mua máy số 19 và đề nghị được gặp trực tiếp anh để thỏa thuận. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 29/7/2020, anh Q1 đến Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế gặp anh để thuyết phục đồng ý bán máy sản xuất khẩu trang số 19. Sau đó anh đã chấp nhận đồng ý bán máy số 19 cho anh Q1 với giá 1.850.000.000 đồng như đã thỏa thuận lúc chiều giữa anh Q1 với các anh Dũng, Quyết, Kinh, Đăng. Ngay sau đó, giữa anh Q1 và anh ký kết hợp đồng mua bán máy khẩu trang (vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/7/2020). Anh Q1 là người trực tiếp viết hợp đồng trên quyển vở ô ly và hợp đồng chỉ lập 01 bản do anh Q1 giữ. Các bên thỏa thuận thời hạn giao máy là ngày 31/7/2020. Phía anh Q1 đã thanh toán trả đủ số tiền mua máy là 1.850.000.000 đồng, cụ thể:

Sau khi 02 bên thỏa thuận mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 vào 29/7/2020 thì cũng trong ngày 29/7/2020 anh Q1 đã chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền đặt cọc mua máy vào số tài khoản của chị Nguyễn Thị Hương Giang (do anh Quyết nhờ số tài khoản của chị Giang), khi chuyển khoản đặt cọc anh Q1 đã ghi nội chuyển khoản “E Quang coc may ngoai” có nghĩa là “Em Quảng cọc máy ngoài”. Do 03 máy sản xuất khẩu trang của các anh đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế theo vị trí đánh số máy là số 19, 20, 21 trong đó máy sản xuất khẩu trang số 19 được đặt ở vị trí ngoài cùng ngay cửa ra vào (hay còn gọi là máy ngoài) nên khi anh Q1 chuyển khoản tiền đặt cọc mua máy sản xuất khẩu trang số 19 đã ghi nội dung chuyển khoản “Em Quảng cọc máy ngoài” được hiểu là anh Q1 đặt cọc mua máy sản xuất khẩu trang số 19. Tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 với anh Q1 vào ngày 30/7/2020, anh cũng đã viết phía dưới hợp đồng nội dung “Đại diện anh em chung máy đã nhận số tiền cọc là 20.000.000 đồng” có nghĩa là anh đại diện cho các anh em chung máy sản xuất khẩu trang số 19 gồm

các anh Kinh, Đăng, Dũng, Quyết xác nhận với anh Q1 đã nhận đủ số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng bán máy sản xuất khẩu trang số 19 cho anh Q1

Sau khi 02 bên ký kết hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 vào ngày 30/7/2020 thì cũng trong ngày 30/7/2020 anh Q1 02 lần chuyển khoản thanh toán tiền mua máy sản xuất khẩu trang số 19 với tổng số tiền là 1.820.000.000 đồng vào số tài khoản của vợ anh là chị HTN6 (do anh nhờ số tài khoản của vợ anh). Cả 02 lần anh Q1 chuyển khoản anh Q1 đều ghi nội dung chuyển khoản “Em Quang CK mua máy 19” có nghĩa là “Em Quảng chuyển khoản mua máy 19” được hiểu là anh Q1 chuyển khoản thanh toán tiền mua máy sản xuất khẩu trang số 19 của các anh.

Sau đó cũng trong ngày 30/7/2020 anh Q1 đã thanh toán trả anh 10.000.000 đồng tiền mặt còn lại.

Sau khi nhận đủ tiền thanh toán mua máy sản xuất khẩu trang số 19 từ anh Q1 thì anh đã viết vào phần cuối hợp đồng với nội dung “Ngày 30/7/2020 đã nhận đủ tiền tổng 1.850.000.000 đồng của anh Q1” để xác nhận với anh Q1 là đã nhận đủ tiền bán máy sản xuất khẩu trang số 19.

Đúng thời hạn, ngày 31/7/2020 anh cùng anh Đăng, anh Quyết, anh Kinh, anh Dũng đã bàn giao cho anh Q1 máy sản xuất khẩu trang số 19 theo thỏa thuận mua bán và anh Q1 đã nhận bàn giao máy sản xuất khẩu trang số 19 này. Khi bàn giao máy sản xuất khẩu trang số 19 cho anh Q1 thì anh đã viết ký vào phần cuối hợp đồng với nội dung “Ngày bàn giao máy ngày 31/7/2020 đầy đủ chi tiết máy khẩu trang (gồm 01 thân hai đầu)” để làm căn cứ xác nhận các anh đã bàn giao cho anh Q1 máy sản xuất khẩu trang số 19 theo đúng thỏa thuận mua bán, chứ không phải anh viết nội dung này vào ngày 30/7/2020 để cam kết với anh Q1 sẽ bàn giao máy vào ngày 31/7/2020 như phía anh Q1 trình bày và cũng không có việc ngày 31/7/2020 anh bàn giao máy khẩu trang số 19 cho anh Q1 là để anh Q1 sử dụng “tạm” máy sản xuất khẩu trang số 19 này như phía anh Q1 trình bày.

Ngay sau khi nhận bàn giao máy sản xuất khẩu trang số 19, anh Q1 đã đăng ký là chủ máy sản xuất khẩu trang số 19 với Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế đồng thời anh Q1 đã sử dụng máy khẩu trang số 19 để sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày nhận bàn giao máy 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020 thì dừng hoạt động sản xuất khẩu trang do tình hình sản xuất khẩu trang thua lỗ, giá khẩu trang xuống thấp, nhà nước kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất mua bán khẩu trang và Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế dừng hoạt động; không chỉ riêng anh Q1 mà tất cả các chủ máy sản xuất khẩu trang đặt tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế đều dừng hoạt động trong đó nhóm các anh còn 02 máy sản xuất khẩu trang số 20, 21 đặt tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế (gần sát máy khẩu trang số 19 của anh Q1) cũng dừng hoạt động.

Trước đó vào ngày 29/7/2020 và ngày 30/7/2020 khi thoả thuận và ký kết hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 giữa anh Q1 với các anh (anh, anh Đăng, anh Quyết, anh Kinh, anh Dũng) thì anh Q1 đã hỏi về nguồn gốc máy sản xuất khẩu trang số 19 và được các anh cho biết máy sản xuất khẩu trang số 19 này là các anh chung tiền nhờ vợ anh (chị HTN6) đứng ra mua hộ của Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Hanna, khi mua máy chị Ngoan đã lấy danh nghĩa là Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam do chị Ngoan là người đại diện theo pháp luật để ký kết hợp đồng mua máy khẩu trang với Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna, chị Ngoan đã bàn giao lại máy khẩu trang này cho các anh; đồng thời lúc đó các anh đã đưa cho anh Q1 hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam với Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna để anh Q1 biết về nguồn gốc máy khẩu trang số 19 và anh Q1 đã đồng ý mua máy khẩu trang số 19 này, chứ không có việc đến ngày 19/8/2020 anh mới giao cho anh Q1 hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam với Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna để chứng minh về nguồn gốc máy khẩu trang số 19 như phía anh Q1 trình bày. Sau khi anh Q1 nhận bàn giao và sử dụng máy sản xuất khẩu trang số 19 từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020, anh Q1 không có bất cứ ý kiến hay tranh chấp gì với các anh liên quan đến mua bán máy khẩu trang và trong thời gian này các anh vẫn sử dụng máy sản xuất khẩu trang số 20, 21 cạnh máy sản xuất khẩu trang số 19 của anh Q1, không có việc anh hứa hẹn, khất lần, trốn tránh anh Q1 về giao máy khẩu trang mua bán như phía anh Q1 trình bày. Cho đến tháng 11/2020 anh nhận được thông báo của Tòa án về việc anh Q1 kiện anh ra Tòa yêu cầu chấm dứt, huỷ bỏ việc mua bán máy sản xuất khẩu trang và buộc anh trả lại số tiền mua bán máy khẩu trang 1.850.000.000 đồng cùng khoản tiền phạt 1.000.000.000 đồng, đến lúc này anh bất ngờ và không hiểu lý do tại sao anh Q1 lại kiện anh như vậy trong khi đó việc mua bán máy khẩu trang giữa hai bên đã hoàn thành, thực hiện xong từ ngày 31/7/2020.

Lý giải về việc hợp đồng mua bán ký kết giữa hai bên có nội dung máy khẩu trang mua bán là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ”. Anh cho rằng hợp đồng do anh Q1 viết tay và được lập 01 bản do anh Q1 giữ nên khi anh Q1 xuất trình hợp đồng tại Tòa thì anh bất ngờ về nội dung này trong hợp đồng, trong khi đó toàn bộ quá trình các bên thoả thuận mua bán, đặt cọc, thanh toán tiền mua bán cũng như bàn giao máy khẩu trang mua bán đều thể hiện mua bán máy khẩu trang số 19; mặt khác theo hợp đồng do anh Q1 xuất trình thì nội dung “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ” nằm tại trang 01 của hợp đồng không có chữ ký của anh tại trang 01 của hợp đồng nên trang 01 của hợp đồng không có tính khách quan cũng như không có hiệu lực.

Trước yêu cầu khởi kiện cầu khởi kiện của anh Q1, anh có quan điểm: Các bên đã thỏa thuận mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19; khi anh Q1 chuyển khoản đặt cọc mua máy khẩu trang đã ghi nội dung chuyển khoản “E Quang coc may ngoai” có nghĩa là đặt cọc mua máy sản xuất khẩu trang số 19 vì máy khẩu trang số 19 được đặt ở vị trí ngoài cùng ngay cửa ra vào (thường gọi là máy ngoài); sau đó cả hai lần anh Q1 chuyển khoản thanh toán trả tiền mua máy khẩu trang cũng đều ghi nội dung chuyển khoản “Em Quang CK mua may 19”, có nghĩa là anh Q1 chuyển khoản trả tiền mua máy khẩu trang số 19; mặt khác đúng thời hạn bàn giao máy, ngày 31/7/2020 các anh đã bàn giao cho Quảng máy sản xuất khẩu trang số 19 theo đúng thỏa thuận mua bán (Khi bàn giao máy anh đã viết, ký xác nhận bàn giao máy ở phần cuối hợp đồng) và anh Q1 đã nhận máy khẩu trang số 19 sử dụng sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020 (do Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế dừng hoạt động sản xuất, mua bán khẩu trang) cho đến trước khi Toà án thụ lý vụ án thì giữa các bên không có bất cứ tranh chấp gì liên quan đến việc mua bán máy khẩu trang. Vì vậy việc mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 giữa anh Q1 và các anh đã hoàn thành, thực hiện xong nên anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q1.

Trường hợp hợp đồng mua bán máy khẩu trang giữa các bên bị chấm dứt, huỷ bỏ thì anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này về hậu quả pháp lý của hợp đồng, không đề nghị giải quyết việc chung máy khẩu trang số 19 hay phân chia số tiền bán máy khẩu trang số 19 giữa các anh (anh, anh Dũng, anh Quyết, anh Kinh anh Đăng) và cũng không đề nghị giải quyết anh Q1 hoặc Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế trả lại các anh máy khẩu trang số 19, đồng thời cũng không đề nghị giải quyết việc anh Q1 sử dụng máy khẩu trang số 19 từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020; nếu có phát sinh các tranh chấp này sẽ khởi kiện vụ án khác.

Ngoài ra anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh NKD9, anh DDQ10, anh PVK8, anh VVD7 trình bày: các anh đều thống nhất với toàn bộ trình bày của anh VHQ5: Về quá trình thỏa thuận mua bán máy sản xuất khẩu trang số 19 giữa các anh với anh Q1; về việc anh Q1 chuyển khoản đặt cọc, chuyển khoản thanh toán trả tiền mua máy khẩu trang đều có nội dung chuyển khoản thể hiện là mua bán máy khẩu trang số 19 giữa các bên; về việc các bên giao nhận máy khẩu trang số 19 theo đúng thỏa thuận mua bán (đã được anh Q5 viết, ký xác nhận bàn giao máy ở phần cuối hợp đồng); về việc anh Q1 đã nhận, sử dụng máy khẩu trang số 19 sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020 (do Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế dừng hoạt động sản xuất, mua bán

khẩu trang) và cho đến trước khi Tòa án thụ lý vụ án thì giữa các bên không có bất cứ tranh chấp gì liên quan đến việc mua bán máy khẩu trang, mặc dù trong thời gian này các anh vẫn sử dụng 02 máy sản xuất khẩu trang số 20, 21 cạnh máy sản xuất khẩu trang số 19 của anh Q1 và hàng ngày vẫn gặp anh Q1 tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế.

Quan điểm của các anh đều đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q1 do việc mua bán máy khẩu trang giữa các bên đã hoàn thành, thực hiện xong theo đúng thoả thuận mua bán.

Trường hợp hợp đồng mua bán máy khẩu trang giữa các bên bị chấm dứt, huỷ bỏ thì các anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này về hậu quả pháp lý của hợp đồng, không đề nghị giải quyết việc chung máy khẩu trang số 19 hay phân chia số tiền bán máy khẩu trang số 19 giữa các anh (anh Q5, anh Dũng, anh Quyết, anh Kinh anh Đăng) và cũng không đề nghị giải quyết anh Q1 hoặc Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế trả lại các anh máy khẩu trang số 19, đồng thời cũng không đề nghị giải quyết việc anh Q1 sử dụng máy khẩu trang số 19 từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020; nếu có phát sinh các tranh chấp này sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra các anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Tại các biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2021 và 09/11/2021, Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế do anh TVQ14 là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Anh Quyết xác nhận anh VHQ5, anh NKD9, anh DDQ10, anh PVK8, anh VVD7 (nhóm anh Q5) chung nhau 03 máy sản xuất khẩu trang đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 5/2020 để sản xuất gia công khẩu trang thuê cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế. Do có nhiều người đặt máy khẩu trang tại xưởng để sản xuất gia công khẩu trang thuê cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế nên tất cả các máy khẩu trang đều được đánh số máy để phân biệt chủ sở hữu máy cũng như để thuận tiện trong việc quản lý sản xuất, thu mua khẩu trang của các chủ máy. Trong đó 03 máy sản xuất khẩu trang của nhóm anh Q5 đặt tại xưởng được đánh số máy lần lượt là 19, 20, 21 (thường gọi là máy số 19, 20, 21) và vị trí đặt các máy này là: Máy số 19 đặt ngoài cùng (ngay cửa ra vào xưởng), sau đó đến máy số 20 và sau là đến máy số 21.

Sau đó nhóm anh Q5 đã bán máy sản xuất khẩu trang số 19 cho anh Q1 và ngày 31/7/2020 nhóm anh Q5 đã bàn giao cho anh Q1 máy khẩu trang số 19. Anh Q1 đã đăng ký là chủ máy khẩu trang số 19 với Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 đồng thời anh Q1 đã quản lý và sử dụng máy khẩu trang số 19 này để sản xuất khẩu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp

A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020 thì anh Q1 không sản xuất khẩu trang nữa do tình hình khẩu trang lúc đó bão hòa bán giá rẻ không có lãi và nhu cầu khách hàng mua ít. Thời điểm đó không chỉ riêng gì anh Q1 mà tất cả các chủ máy khẩu trang đặt tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế cũng đều không sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế nữa, Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế cũng ngừng hoạt động không sản xuất, mua bán khẩu trang từ thời điểm đó, các chủ máy khẩu trang đều mang máy đi khỏi Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế. Riêng phía anh Q1 thì phía Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế nhiều lần liên hệ yêu cầu anh Q1 thanh toán số tiền còn nợ Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế đồng thời yêu cầu anh Q1 chuyển máy khẩu trang số 19 đi để Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế trả lại mặt bằng, nhà xưởng cho cụm công nghiệp Võ Cường, tuy nhiên, phía anh Q1 đều né tránh và không có phản hồi. Vì vậy Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế buộc phải chuyển máy khẩu trang số 19 của anh Q1 về kho của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế tại khu Bãi Trại, thôn La Tinh, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội để trả lại mặt bằng nhà xưởng cho cụm công nghiệp Võ Cường.

Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế xác định máy khẩu trang số 19 không phải của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế; trường hợp anh Q1 hoặc nhóm anh Q5 có đề nghị lấy lại máy khẩu trang số 19 thì Công ty Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế đồng ý trả cho họ. Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế không có yêu cầu hay đề nghị gì đối với anh Q1, nhóm anh Q5 trong vụ án này.

- *Chị HTN6 trình bày:*

Trước đó chồng chị là anh VHQ5 cùng anh NKD9, anh ĐĐQ10, anh PVK8, anh VVD7 chung tiền nhờ chị mua hộ 02 máy sản xuất khẩu trang. Sau đó chị đã đứng ra mua hộ những người này 02 máy sản xuất khẩu trang của Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Hanna. Khi mua máy chị đã lấy danh nghĩa Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam do chị là người đại diện theo pháp luật để ký kết hợp đồng mua máy khẩu trang của Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Hanna. Sau khi mua 02 máy khẩu trang chị đã bàn giao lại cho các anh Q5, Quyết, Dũng, Kinh, Đăng 02 máy khẩu trang này để các anh sản xuất khẩu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế. 02 Máy sản xuất khẩu trang này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các anh Q5, Quyết, Dũng, Kinh, Đăng, chị không có tranh chấp gì với các anh Q5, Quyết, Dũng, Kinh, Đăng về chủ sở hữu 02 máy khẩu trang này. Do 02 Máy khẩu trang này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các anh Q5, Quyết, Dũng, Kinh, Đăng nên những người này bán 01 máy khẩu trang cho anh Q1 là quyền của họ chị không có ý kiến gì, chị cũng không

tranh chấp gì với anh Q1 về máy khâu trang mà anh Q1 đã mua của nhóm anh Q5.

Quá trình nhóm anh Q5 bán máy khâu trang cho anh Q1 thì anh Q5 chồng chị có nhờ tài khoản của chị để anh Q1 chuyển khoản tiền thanh toán mua máy khâu trang. Cụ thể là trong ngày 30/7/2020 anh Q1 02 lần chuyển khoản tiền vào tài khoản của chị để thanh toán trả tiền mua máy khâu trang cho nhóm anh Q5. Lần 01 anh Q1 chuyển vào tài khoản của chị là 300.000.000 đồng, lần 02 anh Q1 chuyển vào tài khoản của chị 1.520.000.000 đồng. Cả 02 lần anh Q1 chuyển khoản tiền vào tài khoản của chị đều ghi nội dung chuyển khoản “Em Quang CK mua may 19” có nghĩa là “Em Quảng chuyển khoản mua máy 19” được hiểu là anh Q1 chuyển khoản thanh toán tiền mua máy khâu trang số 19 của nhóm anh Q5. Toàn bộ số tiền này chị đã rút tài khoản giao trả lại cho nhóm anh Q5. Chị không liên quan gì đến tranh chấp mua bán máy khâu trang giữa anh Q1 với nhóm anh Q5 nên chị không có yêu cầu, đề nghị gì đối với anh Q1 và nhóm anh Q5.

Việc mua chung máy, việc sản xuất khâu trang và việc bán máy khâu trang là làm ăn riêng của chồng chị (anh Q5) không liên quan gì đến chị.

Người làm chứng:

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2021, anh Hoàng Công Phong trình bày:*

Ngày 29/7/2020 anh ngồi quán nước trước cổng xưởng sản xuất khâu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thì gặp anh Q1 cũng ngồi uống nước tại quán. Qua nói chuyện, anh Q1 cho biết đang đi tìm mua máy sản xuất khâu trang, lúc đó anh Đăng cũng có mặt tại quán nước. Sau đó anh Đăng nói với anh Q1 là nhóm anh Đăng, anh Quyết, anh Kinh, anh Dũng, anh Q5 đang có 03 máy sản xuất khâu trang đặt tại xưởng sản xuất khâu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế và muốn bán đi 01 máy. Sau đó anh cùng các anh Đăng đã dẫn anh Q1 vào xem máy khâu trang trong xưởng. Khi vào xưởng, anh Q1 xem máy khâu trang của anh đặt gần 03 máy khâu trang của nhóm anh Q5, sau đó anh Q1 xem tiếp 03 máy sản xuất khâu trang của nhóm anh Q5 và anh Q1 đã chọn mua máy khâu trang số 19 của nhóm anh Q5, máy khâu trang số 19 đặt ở ngoài cùng ngay cửa ra vào. Sau khi các bên thỏa thuận mua bán máy khâu trang số 19, đến ngày 31/7/2020 nhóm anh Q5 đã bàn giao máy khâu trang số 19 cho anh Q1 và anh Q1 đã sử dụng máy khâu trang số 19 để sản xuất khâu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế từ ngày 31/7/2020 đến ngày 24/8/2020 thì không sản xuất khâu trang nữa do đến thời điểm này tình hình sản xuất khâu trang bị thua lỗ, nhà nước kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, mua bán khâu trang, giá khâu trang rẻ hơn so với trước đó, Công ty cổ phần công nghiệp

A&G Quốc Tế dừng hoạt động vì vậy không chỉ riêng mình anh Q1 mà các chủ máy sản xuất khẩu trang cho Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế đều dừng hoạt động chuyển máy đi, bản thân anh là chủ 01 máy sản xuất khẩu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế cũng dừng hoạt động và chuyển máy về nhà. Quá trình anh Q1 sử dụng máy sản xuất khẩu trang số 19 thì anh Q1 còn nói chuyện với anh là đã mua máy khẩu trang số 19 của nhóm anh Q5. Anh khẳng định anh Q1 đã mua máy sản xuất khẩu trang số 19 của nhóm anh Q5.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2021, chị Nguyễn Thị Hương Giang trình bày:*

Chị là chủ tài khoản số 43210000975276 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 29/7/2020 anh ĐDQ10 là người cùng thôn đã nói với chị là anh Quyết bán máy sản xuất khẩu trang cho người khác và người mua máy chuyển khoản tiền đặt cọc 20.000.000 đồng, anh Quyết nhờ tài khoản của chị nhận hộ tiền anh Quyết. Đến khoảng 11 giờ 49 phút ngày 29/7/2020 thì điện thoại của chị báo tin nhắn tài khoản của chị nhận được số tiền 20.000.000 đồng từ số tài sản 19028554286014, nội dung chuyển khoản “E Quang coc may ngoai” nghĩa là “em Quảng cọc máy ngoài” chị hiểu đây là tiền của người mua máy khẩu trang chuyển cho anh Quyết để đặt cọc mua máy khẩu trang nên chị đã rút tài khoản số tiền này giao trả anh Quyết. Ngoài ra chị khẳng định không biết anh Q5, anh Q1 là ai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVQ1 về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang ngày 30/7/2020 giữa bên mua anh NVQ1 và bên bán anh VHQ5. Theo đó không chấp nhận yêu cầu của anh NVQ1 về buộc anh VHQ5 trả lại số tiền mua bán máy sản xuất khẩu trang là 1.850.000.000 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVQ1 về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa anh NVQ1 và anh VHQ5; buộc anh VHQ5 phải trả lại cho anh Q1 số tiền 1.850.000.000đ (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Vì lý do anh Q5 không phải là chủ sở máy; không thực hiện việc mua bán theo hợp đồng;

Việc mua bán máy 19 có dấu hiệu trốn thuế đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của những người mua bán máy.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh NVQ1 nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan anh VVD7, anh PVK8; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa anh NVQ1 và anh VHQ5; buộc anh VHQ5 phải trả lại cho anh Q1 số tiền 1.850.000.000 (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng và bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: các bên đều thống nhất thời gian ký kết hợp đồng mua bán, số lần chuyển khoản tiền đặt cọc, số tiền các bên đã giao nhận khi bàn giao máy sản xuất khẩu trang, thời hạn giao nhận máy. Nhưng không thống nhất được chủng loại máy. Phía bên nguyên đơn cho rằng máy nguyên đơn mua của bị đơn là máy sản xuất khẩu trang nhập khẩu mới 100% đầy đủ hóa đơn chứng từ....

Phía bị đơn khẳng định các bên thỏa thuận mua máy vị trí số 19 nằm phía bên ngoài vị trí ngoài đã thực hiện đầy đủ theo thỏa thuận.

2.1. Về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang của nguyên đơn: Ngày 30/7/2020 tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, anh NVQ1 và anh VHQ5 ký kết hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang với giá 1.850.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn giao máy là ngày 31/7/2020.

Theo phía nguyên đơn anh Q1 thì máy sản xuất khẩu trang mà anh Q1 thỏa thuận mua của anh Q5 là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ” còn máy sản xuất khẩu trang số 19 đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mà anh Q1 nhận của anh Q5 ngày 31/7/2020 là máy cũ đã qua sử dụng do anh Q5 đề nghị anh Q1 sử dụng tạm máy sản xuất khẩu trang số 19 này trong thời gian chờ bàn giao máy khẩu trang mua bán là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ”, song sau đó anh Q5 không bàn giao đúng chủng loại máy mới sản xuất khẩu trang như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên, phía bị đơn anh VHQ5, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh NKD9, anh DDQ10, anh PVK8, anh VVD7 và người làm chứng anh Hoàng Công Phong đều thể hiện ngày 29/7/2020 tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, anh NVQ1 đã thỏa thuận mua máy sản xuất khẩu trang số 19 được đặt ở vị trí phía ngoài của các anh Q5, Dũng, Quyết, Kinh, Đăng với giá 1.850.000.000 đồng. Lời trình bày này phù hợp với chứng cứ là giao dịch ngày 29/7/2020 anh Q1 chuyển khoản 20.000.000 đồng đặt cọc mua máy khẩu trang có ghi nội dung chuyển khoản “E Quang coc may ngoai” đã được các bên xác nhận giải thích nội dung là “Em Quảng cọc máy ngoài”, phía anh Q1 không lý giải được tại sao lại ghi nội dung chuyển khoản đặt cọc mua máy “ngoài” như trên; trong khi đó phía bị đơn anh Q5, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dũng, anh Quyết, anh Kinh, anh Đăng, anh TVQ14 là người đại diện Công ty Cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế và người làm chứng anh Hoàng Công Phong đều khẳng định trong 03 máy sản xuất khẩu trang số 19, 20, 21 đặt tại xưởng sản xuất khẩu trang của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế thì máy sản xuất khẩu trang số 19 được đặt ở vị trí ngoài cùng ngay cửa ra vào xưởng (thường gọi là máy ngoài) nên “máy ngoài” chính là máy sản xuất khẩu trang số 19.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nội dung giao dịch chuyển khoản ngày 29/7/2020 của anh Q1 “E Quang coc may ngoai” là anh Q1 chuyển khoản

cho nhóm anh Q5 20.000.000 đồng đặt cọc để mua máy sản khẩu trang số 19 là có cơ sở.

Tại cấp sơ thẩm, anh Q1 xuất trình cho Tòa án Hợp đồng mua bán máy khẩu trang ngày 30/7/2020 do anh Q1 viết tay trong quyển vở ô ly trên 02 trang giấy có chữ ký của anh Q5 bên bán và chữ ký anh Q1 bên mua tại phía dưới trang 02 của hợp đồng còn trang 01 của hợp đồng không có chữ ký của anh Q5 và anh Q1, hợp đồng được lập 01 bản do anh Q1 giữ.

Mặc dù trang 01 của hợp đồng có nội dung thể hiện máy khẩu trang mua bán là “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ”, tuy nhiên chữ viết trong hợp đồng là của anh Q1, hợp đồng được lập thành 01 bản do anh Q1 giữ và trang 01 của hợp đồng không có chữ ký của cả anh Q5 và anh Q1; Phía anh Q5 cũng không thừa nhận trang 01 của hợp đồng vì không có chữ ký của anh; hơn nữa sau khi ký kết hợp đồng vào ngày 30/7/2020 thì cũng trong ngày 30/7/2020 anh Q1 đã 02 lần thực hiện giao dịch chuyển khoản trả tiền mua máy sản xuất khẩu trang cho anh Q5 đều có nội dung chuyển khoản “Em Quang CK mua máy 19” đã được các bên đều xác nhận nội dung này là “Em Quảng chuyển khoản mua máy 19”, phía anh Q1 thì cho rằng nội dung chuyển khoản này có nghĩa là anh Q1 chuyển khoản cho anh Q5 để mua máy sản xuất khẩu trang “giống” máy sản xuất khẩu trang số 19 của anh Q5 đặt tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế nhưng anh Q1 không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho trình bày này của mình, trong khi đó nội dung chuyển khoản đã thể hiện rõ “Em Quảng chuyển khoản mua máy 19” không có từ “giống” nào trong nội dung chuyển khoản này; về phía anh Q5 cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dũng, anh Quyết, anh Kinh, anh Đăng đều khẳng định nội dung chuyển khoản này đã rõ ràng xác nhận anh Q1 thanh toán trả tiền mua máy sản xuất khẩu trang số 19 và ngày 31/7/2020 anh Q5 đã giao máy cho anh Q1 theo đúng thỏa thuận giữa các bên. Như vậy, toàn bộ quá trình các bên thỏa thuận mua bán, đặt cọc, thanh toán tiền mua bán cũng như bàn giao máy khẩu trang mua bán đều thể hiện mua bán máy khẩu trang số 19.

Việc anh Q1 yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang vì không giao máy nhập khẩu mới 100% và đòi lại số tiền 1.850.000.000 đồng là không có căn cứ.

2.2. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng:

Anh Q1 cho rằng đến hạn 31/7/2020 phía anh Q5 đã vi phạm hợp đồng không giao “máy nhập khẩu mới 100%, đầy đủ hóa đơn, chứng từ” như đã giao kết nên buộc anh Q5 phải trả lại số tiền mua bán máy 1.850.000.000 đồng và buộc anh Q5 chịu khoản tiền phạt 1.000.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã phân tích trên, thấy rằng máy khâu trang các bên thoả thuận mua bán là máy sản xuất khâu trang số 19 đã qua sử dụng được đặt tại xưởng sản xuất khâu trang Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế ở Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, phía anh Q1 đã trả đủ tiền mua máy và được nhận bàn giao máy khâu trang mua bán số 19 đúng thời hạn ngày 31/7/2020 đồng thời anh Q1 đã sử dụng máy sản xuất khâu trang số 19 này nên việc mua bán máy khâu trang giữa các bên đã hoàn thành thực hiện xong.

Mặt khác, khi bàn giao máy sản xuất khâu trang số 19 cho anh Q1, anh Q5 đã viết, ký tại phía cuối trang 02 của hợp đồng nội dung “Ngày bàn giao máy ngày 31/7/2020 đầy đủ chi tiết máy khâu trang (gồm 01 thân hai đầu)” để xác nhận với anh Q1 đã bàn giao máy khâu trang số 19 mua bán cho anh Q1. Phía anh Q1 cho rằng nội dung anh Q5 đã viết, ký tại phía cuối trang 02 của hợp đồng “Ngày bàn giao máy ngày 31/7/2020 đầy đủ chi tiết máy khâu trang (gồm 01 thân hai đầu)” được anh Q5 viết vào ngày 30/7/2020 chỉ có ý nghĩa cam kết của anh Q5 sẽ bàn giao máy khâu trang mua bán cho anh Q1 vào ngày 31/7/2020 là không có tính thuyết phục bởi nội dung hợp đồng ký kết giữa các bên đã ghi rõ thời hạn giao máy là ngày 31/7/2020 thì không có lý do gì anh Q5 lại phải tự tay viết phía cuối trang 02 của hợp đồng để tiếp tục cam kết bàn giao máy vào ngày 31/7/2020 như anh Q1 trình bày; hơn nữa việc bàn giao máy khâu trang số 19 giữa các bên còn có sự tham gia của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh Dũng, Đăng, Kinh, Quyết và sự chứng kiến người làm chứng anh Hoàng Công Phong những người này đều khẳng định anh Q5 đã bàn giao máy sản xuất khâu trang số 19 cho anh Q1 ngày 31/7/2020, ngoài ra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn khẳng định khi bàn giao máy khâu trang số 19 cho anh Q1 ngày 31/7/2020 anh Q5 đã tự tay viết tại cuối trang 02 của hợp đồng nội dung như nêu trên để làm căn cứ xác nhận đã bàn giao máy khâu trang số 19 cho anh Q1. Ngoài ra anh Q1 còn cho rằng đến thời hạn giao máy khâu trang mua bán ngày 31/7/2020, do anh Q5 không có máy khâu trang mới giao cho anh Q1 nên anh Q5 đã đề nghị anh Q1 sử dụng “tạm” máy sản xuất khâu trang số 19 của anh Q5 và xin kéo dài thời gian giao máy đến ngày 10/8/2020, tuy nhiên ngoài trình bày này thì anh Q1 không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc anh Q1 nhận và sử dụng máy khâu trang số 19 chỉ là sử dụng “tạm” theo đề nghị của anh Q5; mặt khác cho rằng anh Q5 đề nghị anh Q1 sử dụng “tạm” máy khâu trang số 19 và hẹn đến ngày 10/8/2020 giao máy khâu trang mới, nhưng thực tế sau ngày 10/8/2020 anh Q1 vẫn quản lý sử dụng máy khâu trang số 19 cho đến tận ngày 24/8/2020 thì dừng hoạt động sản xuất khâu trang do Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế dừng hoạt động sản xuất mua bán khâu trang, không chỉ riêng anh Q1 mà các chủ máy khâu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế cũng đều dừng hoạt động vì giá khâu trang xuống thấp, việc sản

xuất khẩu trang thua lỗ chứ không phải tại thời điểm đó do có tranh chấp máy khẩu trang mua bán giữa các bên mà anh Q1 không sử dụng máy khẩu trang số 19 nữa.

Anh TVQ14 là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế khẳng định anh Q1 đã mua máy sản xuất khẩu trang số 19 của nhóm anh Q5, anh Dũng, anh Quyết, anh Kinh, anh Đăng được đặt tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế và xác nhận sau khi mua máy sản xuất khẩu trang số 19 thì anh Q1 đã đăng ký là chủ máy số 19 với Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế để hoạt động sản xuất khẩu trang tại Công ty cổ phần công nghiệp A&G Quốc Tế.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định giao dịch mua bán máy sản xuất khẩu trang giữa các bên đã hoàn thành thực hiện xong, đối tượng mua bán là máy sản xuất khẩu trang số 19 đã được bên mua là anh Q1 nhận, số tiền mua bán máy sản xuất khẩu trang 1.850.000.000 (*Một tỷ tám trăm năm mươi triệu*) đồng đã được bên mua thanh toán trả đủ cho bên bán. Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Q1 về khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 (*Một tỷ*) đồng đối với anh Q5.

Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVQ1 về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang ngày 30/7/2020 giữa bên mua anh NVQ1 và bên bán anh VHQ5 và không chấp nhận yêu cầu của anh NVQ1 về buộc anh VHQ5 trả lại số tiền mua bán máy sản xuất khẩu trang là 1.850.000.000 (*Một tỷ tám trăm năm mươi triệu*) đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 (*Một tỷ*) đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

-Về việc người đại diện theo ủy quyền của anh Q1 trình bày anh Q5 bán máy số 19 cho anh Q1 là không hợp pháp vì anh Q5 không phải chủ sở hữu của máy 19. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy chị HTN6 là vợ anh Q5, anh Q5 và một nhóm bạn chung vốn nhờ chị đứng ra mua hộ máy sản xuất khẩu trang của Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Hanna, khi mua máy chị Ngoan đã lấy danh nghĩa là Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam do chị Ngoan là người đại diện theo pháp luật để ký kết hợp đồng mua máy khẩu trang với Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Hanna, chị Ngoan đã bàn giao lại máy khẩu trang này cho các anh; và giữa chị Ngoan hay Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam với nhóm anh Q5 đều không có tranh chấp gì về chủ sở hữu máy khẩu trang số 19, chị Ngoan hay Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam cũng không tranh chấp gì với anh Q1 về máy khẩu trang số 19 mà anh Q1 đã mua của nhóm anh Q5. Do đó, xác định máy khẩu trang số 19 thuộc sở hữu của nhóm anh Q5 đã bán cho anh Q1 là hợp pháp.

- Về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng việc mua bán máy của Công ty TNHH Đầu tư văn minh Việt Nam và Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Hanna có dấu hiệu của hành vi trốn thuế đề xem xét. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ nên không xét.

Từ phân tích nêu trên không chấp nhận toàn yêu cầu kháng cáo của anh Q1, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí: anh NVQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 26, 38, 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 421, 422, 423, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 436, khoản 1 Điều 439 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh NVQ1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVQ1 về yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng mua bán máy sản xuất khẩu trang ngày 30/7/2020 giữa bên mua anh NVQ1 và bên bán anh VHQ5. Theo đó không chấp nhận yêu cầu của anh NVQ1 về buộc anh VHQ5 trả lại số tiền mua bán máy sản xuất khẩu trang là 1.850.000.000 (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

3. Về án phí:

- Anh NVQ1 phải chịu 89.300.000 đồng (Tám mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005952 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh NVQ1 phải nộp sau khi đối trừ là 44.800.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng)

- Anh NVQ1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047693 ngày 24/12/2021 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Phú Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA